TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2017/DS-PT
Ngày: 08/8/2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Minh Tiến

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thu Phương

Bà Lê Thị Mỹ Giang

- **Thư ký phiên toà**: Bà Nguyễn Thị Thanh Như, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa**: Bà Nguyễn Thị Bích Liên, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2016 và ngày 08 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 71/2016/TLPT- DS ngày 23 tháng 5 năm 2016 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2016/DS-ST ngày 07 tháng 4 năm 2016 của Toà án nhân dân huyện Trà Bồng bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 226/2016/QĐPT-DS ngày 29 tháng 7 năm 2016; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 305/2016/QĐPT-DS ngày 10/8/2016 và Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số 347/2017/QĐPT-DS ngày 17/7/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1971 và ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1968

Cùng cư trú tại: Khu dân cư 11, tổ dân phố 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Anh T, luật sư Văn phòng luật sư Công Anh, thuộc đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị Mỹ D, sinh năm 1970, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Ông Huỳnh Tấn H, sinh năm 1971 (chồng bà D), có mặt;

Cùng cư trú tại: Khu dân cư 10, tổ dân phố 5, thị trấn T, huyện T, Quảng Ngãi.

- *Người làm chứng*:

1. Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1963, cư trú tại: Khu dân cư 1, tổ dân phố I, thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1983, cư trú tại: Khu dân cư 2, tổ dân phố I, thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1986, công tác tại: Phòng dân tộc huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

4. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1962, cư trú tại: Khu dân cư 7, tổ dân phố 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn bà Huỳnh Thị Mỹ D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Tấn H

- *Viện kiểm sát kháng nghị*: Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện 03/11/2015, khởi kiện bổ sung ngày 18/11/2015, các tài liệu có tài hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T, bà Nguyễn Thị Kim C trình bày:

Bà C và bà D là chị em bạn dì về phía chồng, bà D khi cần tiền thường mượn tiền của bà C và trả sòng phẳng, ngày 18/9/2015 bà Huỳnh Thị Mỹ D có mượn của ông, bà số tiền 300.000.000 đồng bà D viết giấy mượn tiền và có thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng. Sau đó, khi bà C đến nhà bà D yêu cầu trả số tiền trên thì bà D nói trả rồi nên hai bên xảy ra mâu thuẫn, trong tháng 9/2015 bà D mượn bà C nhiều lần, trong đó có hai lần bà D mượn 300.000.000 đồng, bà C thừa nhận bà D có trả cho bà C 300.000.000 đồng và tiền lãi 1.200.000 đồng nhưng là trả cho lần mượn ngày 16/9/2015, còn lần mượn 300.000.000 đồng ngày 18/9/2015 bà D vẫn chưa trả.

Nay, ông, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Huỳnh Thị Mỹ D, ông Huỳnh Tấn H trả cho ông, bà số tiền gốc 300.000.000 đồng mà bà D mượn ngày 18/9/2015, tiền lãi tính theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định là 9%/năm.

Theo bản tự khai, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Huỳnh Thị Mỹ D trình bày:

Nguyên vào các ngày 15, 16/9/2015 bà gọi điện thoại cho bà C để hỏi mượn số

tiền 300.000.000 đồng, bà C nói chưa có để bà hỏi bà Thu thử, nếu có bà C sẽ gọi cho. Đến ngày 17/9/2015 bà C gọi điện báo cho bà biết đã có tiền, nên đến tối ngày 17/9/2015 bà đến nhà bà C nhận tiền nhưng viết giấy mượn ngày 18/9/2015 với số tiền 300.000.000 đồng, giấy mượn không ghi lãi suất nhưng thỏa thuận miệng là 3%/tháng; Ngày 19/9/2015 cháu Nguyễn Thị Ngọc H có hỏi mượn bà số tiền 30.000.000 đồng nhưng bà nói bà không có, để bà mượn dùm cho và bà điện thoại cho bà C hỏi, thì bà C nói đi công việc rồi, xuống nhà ông T đưa cho nên bà viết giấy mượn 30.000.000 đồng đưa cháu H xuống gặp ông T để lấy tiền.

Đến khoảng 21 giờ ngày 22/9/2015, ông Nguyễn Đức L trả cho bà 700.000.000 đồng, chồng bà chở bà đến nhà bà C trả số tiền 300.000.000 đồng, bà đi vào trả một mình, còn chồng bà ở ngoài xe (ô tô) chờ bà, vì còn tranh thủ đi trả tiền cho anh Nguyễn Văn A. Do bà đã điện cho bà C trước, nên khi vào nhà bà C đã chờ sẵn, bà đưa 300.000.000 đồng cho bà C, bà C chỉ nhìn không đếm tiền vì là tiền y kiện rút ngân hàng và trả tiền lãi 04 ngày với số tiền là 1.200.000 đồng. Lúc đó bà C đưa cho bà tờ giấy mượn tiền nhưng do tin tưởng nên bà không kiểm tra giấy mà bỏ luôn tờ giấy vào túi xách. Sau đó bà cùng chồng bà đến nhà anh Nguyễn Văn A để trả 400.000.000 đồng, khi đưa tiền cho anh A thì anh A thấy tờ giấy để cùng với tiền trong túi xách, thì anh A có hỏi giấy gì thì bà nói bà vừa trả 300.000.000 đồng cho bà C nên bà C đưa giấy mượn cho bà, anh A chỉ hỏi chứ không xem giấy.

Đến ngày 08/10/2015 bà C đem lên tờ giấy 300.000.000 đồng, thì bà mới phát hiện là mình lấy nhầm tờ giấy 30.000.000 đồng chứ không phải giấy 300.000.000 đồng mà bà đã trả cho bà C vào tối 22/9/2015. Bà có nói với bà C: "*Em về xem lại đi*" nhưng bà C nói: "*Xem gì mà xem chị còn nợ số tiền 300.000.000 đồng và còn giấy nợ đây*".

Nay ông T, bà C yêu cầu vợ chồng bà trả 300.000.000 đồng thì bà không chấp nhận, vì vào ngày 22/9/2015 bà đã trả cho ông T, bà C rồi nhưng do thiếu kiểm tra nên bà lấy nhầm tờ giấy 30.000.000 đồng mà bà đã mượn cho cháu H. Do sơ hở trong quá trình làm ăn dẫn đến tranh chấp như ngày hôm nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Tấn H trình bày:

Ngày 22/09/2015 ông chở bà D đến nhà bà C để trả tiền, ông ngồi ngoài xe chờ còn bà D vào một mình, nên ông không chứng kiến việc bà D trả tiền cho bà C, nhưng biết bà D đến trả cho bà C số tiền là 300.000.000 đồng và tiền lãi 04 ngày là 1.200.000đồng, sau đó đến nhà anh A trả 400.000.000 đồng. Công việc làm ăn của bà D ông không tham gia, ông tin tưởng ở vợ ông, ông không quản lý tiền, việc mượn, trả tiền đều do bà D quản lý sổ ghi chép. Đối với khoản vay 300.000.000 đồng, vợ chồng ông mượn bà C ngày 18/9/2015 đã trả nhưng nay ông T, bà C yêu cầu vợ chồng ông trả thì ông không liên quan, ông không chấp nhận trả số tiền này.

Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2016/DSST ngày 07/4/2016 của Toà án nhân dân huyện Trà Bồng tuyên xử:

Buộc ông Huỳnh Tấn H, bà Huỳnh Thị Mỹ D phải có nghĩa vụ trả tiền vay nợ cho vợ chồng ông Nguyễn Quốc T, bà Nguyễn Thị Kim C 315.000.000đ (Ba trăm mười lăm triệu đồng), trong đó, tiền gốc là 300.000.000đồng (Ba trăm triệu đồng) và tiền lãi là 15.000.000đồng (Mười lăm triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 21 tháng 4 năm 2016, bị đơn bà Huỳnh Thị Mỹ D kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 01/2016/DS-ST ngày 07/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi để tiến hành xem xét lại một cách khách quan toàn bộ vụ việc. Tại phiên tòa phúc thẩm bà D thay đổi nội dung kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, tuyên không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

- Ngày 21 tháng 4 năm 2016, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Tấn H kháng cáo với nội dung yêu cầu sửa bản án sơ thẩm tuyên xử không buộc ông phải liên đới chịu trách nhiệm trả nợ.

- Kháng nghị số 152/QĐKNPT-DS ngày 20/4/2016 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trà Bồng yêu cầu hủy bản án sơ thẩm số 01/2016/DS-ST ngày 07/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Trà Bồng để giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

Nguyên đơn đã cho bị đơn mượn 300.000.000 đồng hai lần vào ngày 16/9/2015 và 18/9/2015, khoản mượn 300.000.000 đồng ngày 16/9/2015 bà D đã trả cho bà C và tiền lãi 4 ngày là 1.200.000 đồng. Bị đơn khai chỉ mượn một lần 300.000.000 đồng vào ngày 18/9/2015 và trả vào ngày 22/9/2015 là không đúng, bị đơn lấy giấy mượn 30.000.000 đồng mượn ngày 19/9/2015 (đã trả 30.000.000 đồng vào 26/9/2015) để cho là nhầm là không đúng. Bị đơn đến nhà ông A nói là trả vào ngày 22/9/2015 được ông A thừa nhận làm nhân chứng là không khách quan, ông A cũng không xem kỹ tờ giấy, chị H không biết sự việc nên không thể làm nhân chứng. Bản án sơ thẩm tuyên xử buộc vợ chồng bà Huỳnh Thị Mỹ D và ông Huỳnh Tấn H phải trả cho nguyên đơn số tiền 300.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất cơ bản là có căn cứ, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà D, ông H; không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Bồng. Tuyên giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trà Bồng.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Bà C, bà D đều khai thống nhất là bà C cho bà D mượn 300.000.000 đồng vào ngày 18/9/2015, bà D khai đã trả cho bà C vào tối ngày 22/9/2015, bà C khai bà D chưa trả nên việc trả nợ hai bên còn tranh chấp. Xét chứng

cứ của hai bên đưa ra và kết quả giám định băng ghi âm thì thấy tại cấp sơ thẩm bà C không cung cấp sổ ghi nợ nhưng tại cấp phúc thẩm bà C cung cấp 2 tờ giấy thể hiện cho bà D mượn một lần 300.000.000 đồng ngày 16/9/2015 và một lần 30.000.000 đồng ngày 19/9/2015, nhưng lời khai của bà C không thống nhất, đối với lần mượn 300.000.000 đồng ngày 16/9/2015, bà C khai cho mượn ngày 16 hay 17/9/2015 và trả ngày 20 hay 21/9/2015 bà không nhớ chính xác, bà không ghi vào sổ; đối với lần mượn 30.000.000 đồng ngày 19/9/2015, các người làm chứng ông A, chị T đều khẳng định khi bà C đến gặp họ thì bà C nói không cho bà D mượn 30.000.000 đồng. Nhưng thực tế bà D có viết giấy đưa chị H đến gặp ông T để mượn 30.000.000 đồng ngày 19/9/2015. Đồng thời người làm chứng ông A khai bà D đến trả tiền cho ông vào tối ngày 22/9/2015 thì bà C nói trước đó có trả cho bà C 300.000.000 đồng. Nên có cơ sở bị đơn bà Huỳnh Thị Mỹ D đã trả khoản tiền 300.000.000 đồng mượn ngày 18/9/2015 cho bà Nguyễn Thị Kim C vào tối ngày 22/9/2015 nhưng bà C đưa nhầm giấy mượn 30.000.000 đồng cho bà D. Do đó, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thay đổi Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Bồng, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Bà Huỳnh Thị Mỹ D kháng cáo, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trà Bồng kháng nghị yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bà D thay đổi nội dung kháng cáo, bà đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thay đổi nội dung kháng nghị theo hướng sửa án sơ thẩm. Xét việc thay đổi nội dung kháng cáo, nội dung kháng nghị không vượt quá phạm vi kháng cáo, kháng nghị ban đầu, nên căn cứ khoản 2 Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi nội dung kháng cáo của bà D và kháng nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào lời khai và chứng cứ hai bên cung cấp thì thấy việc mượn, cho mượn tiền hai bên đều có sổ ghi chép. Ngoài ra, khi nào bà D mượn tiền thì viết giấy đưa cho bà C, khi nào bà D trả tiền thì bà C trả lại giấy cho bà D. Tại sổ của bà D ghi các khoản nợ bà C trong tháng 9/2015 thì bà D mượn bà C nhiều lần, trong đó có một lần mượn 300.000.000 đồng ngày 18/9/2015. Bà C không cung cấp sổ tự ghi nợ cho Tòa, tại cấp phúc thẩm bà C chỉ cung cấp cho Tòa án hai tờ giấy của trang 02, trang 08 của cùng một cuốn sổ ghi các khoản tiền cho bà D mượn trong tháng 9/2015. Trong hai tờ giấy thì có một tờ (trang 08) ghi khớp với cuốn sổ tự ghi của bà D về các lần bà D mượn bà C vào tháng 9/2015, nhưng không có khoản bà D mượn bà C 30.000.000 đồng ngày 19/9/2015 (chị Nguyễn Thị Ngọc H nhận), bà C khai không ghi là do bà không nhớ vì ông T chồng bà đưa tiền cho cháu H. Tờ giấy kia (trang 02)

thì khác tờ giấy trang 08 là có thêm một lần bà D mượn bà C 300.000.000 đồng vào ngày 16/9/2015 và một lần 30.000.000 đồng ngày 19/9/2015 nhưng ghi không theo thứ tự ngày tháng, các lần mượn khác giống tờ giấy trang 08.

[2.2] Về lời khai của nhân chứng là ông Nguyễn Văn A thì các bản khai ông đều khai vào tối ngày 22/9/2015, vợ chồng bà D đến nhà ông trả cho ông 400.000.000 đồng, khi bà D đưa túi xách đựng tiền cho ông thì ông thấy có tờ giấy trong túi tiền đưa cho ông, ông hỏi bà D là giấy gì thì bà D nói mới đến trả cho bà C 300.000.000 đồng và bà C đưa lại giấy. Ông A còn khai khi bà C đến nhà ông vào ngày 09/10/2015 có đưa sổ cho ông xem và tối ngày 12/10/2015 tại nhà bà C đối chiếu sổ của bà C và sổ bà D thì sổ bà C chỉ có ghi lần bà D mượn 300.000.000 đồng ngày 18/9/2015. Chị Nguyễn Thị Bích T là con ông A tại Bản trình bày (*Bút lục số 104*) khai khi bà C đến nhà ông A vào ngày 09/10/2015, lúc đó có chị ở nhà và nghe bà C hỏi ông A nhớ lại ngày bà D đến trả tiền cho ông A 400.000.000 đồng là ngày nào, bà C khẳng định với ông A không cho bà D mượn 30.000.000 đồng ngày 19/9/2015, chị thấy sổ của bà C chỉ ghi bà D mượn một lần 300.000.000 đồng.

Về số tiền bà D mượn bà C 30.000.000 đồng ngày 19/9/2015 (chị H nhận từ ông T) thì bà D khai khi bà C gặp bà ngày 8/10/2015 thì bà C nói với bà là không cho bà mượn 30.000.000 đồng ngày 19/9/2015. Ông A khai bà C đến nhà ông vào ngày 09/10/2015 bà cũng khẳng định với ông A là không cho bà D mượn 30.000.000 đồng. Chị Nguyễn Thị Ngọc H cũng xác nhận bà D nói với chị là bà C nói với bà D không cho bà D mượn 30.000.000 đồng nên bà D nhờ chị H đến nhà bà C để xác nhận chị có mượn 30.000.000 đồng, nhưng khi chị đến nhà bà C thì bà C nói với chị H việc vay mượn chỉ có bà D, bà C biết, chị H làm sao biết được. Đến ngày 12/9/2015, khi đối chiếu tại nhà bà C mọi người hỏi ông T chồng bà C thì bà C mới thừa nhận có cho bà D mượn 30.000.000 đồng, bà C khai ngày 25 hay 26/9/2015 thì bà D đã trả 30.000.000 đồng.

[2.3] Xét về tâm lý bà D thì thấy, vào ngày 08/10/2015 sau khi biết bà C đưa nhầm giấy mượn cho bà nhưng bà C không thừa nhận, thì ngay sau đó bà đã phải nhờ đến ông A làm nhân chứng, nhờ H đến nói với bà C về việc H mượn 30.000.000 đồng nhận từ ông T chồng bà C, H đưa giấy mượn của bà D cho ông T vẫn chưa trả tiền nhưng bà D lại có giấy mượn 30.000.000 đồng. Tối ngày 12/10/2015, bà D nhờ ông A, bà H, chị H đến nhà bà C để đối chiếu nợ ông H và bà D còn ghi âm lại các buổi gặp, mục đích để chứng minh bà đã trả 300.000.000 đồng mượn ngày 18/9/2015 cho bà C nhưng bà C đưa nhầm giấy bà mượn 30.000.000 đồng.

[2.4] Như vậy, lời khai của bà C có nhiều mâu thuẫn, bà C khai trong tháng 9/2015 bà cho bà D mượn 300.000.000 đồng hai lần, khi bà C đưa sổ cho ông A xem vào ngày 09/10/2015 tại nhà ông A và đối chiếu sổ vào ngày 12/10/2015 tại nhà bà C thì chỉ có một lần ghi mượn 300.000.000 đồng ngày 18/9/2015. Tại cuốn băng ghi âm bà C nói: "*có một lần ba trăm em không vô"* (trang 07 của Bản dịch nội dung ghi âm), lúc thì bà khai do không nhớ nên không ghi, nhưng tại giai đoạn phúc thẩm bà C lại

cung cấp cho Tòa án thêm một tờ giấy (trang 02) ghi bà D mượn 300.000.000 đồng ngày 16/9/2015. Như vậy, ngày bà C cho bà D mượn đã rõ ràng là ngày 16/9/2015 nhưng trong một số lời khai, bà khai ngày vay, ngày trả lại không thống nhất như: Tại biên bản phiên tòa sơ thẩm (*Bút lục 60*) bà công nhận ngày 22/9/2015 bà D trả 300.000.000 đồng và lãi 04 ngày là 1.200.000 đồng. Tại lời khai sau bà C lại khai là bà D trả 300.000.000 đồng và lãi 1.200.000 đồng nhưng vay nhiều lần cộng đủ 300.000.000 đồng và lãi 4 ngày (*Bút lục 59*). Trong biên bản lấy lời khai tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ngày 8/6/2016 (*Bút lục 112)* bà C khai cho bà D vay hai lần, một lần 300.000.000 đồng vào ngày 16 hay 17/9/2015 bà không nhớ chính xác và trả ngày 20 hay 21/9/2015 bà cũng không nhớ chính xác, bà khai không ghi vào sổ vì khoản vay 4 ngày. Tại biên bản đối chất *(Bút lục 45*) bà C khai: "*Đến ngày 20 hay 21 gì đó chị D trả cho vợ chồng tôi số tiền 300 triệu đồng và lãi 1.200.000 đồng*".

Đối chiếu 2 tờ giấy bà D mượn bà C, một tờ giấy mượn 300.000.000 đồng ngày 18/9/2015, một tờ giấy mượn 30.000.000 đồng ngày 19/9/2015 đều là chữ viết bà D cùng một loại mực, kiểu chữ viết giống nhau, cùng viết trên một tờ giấy vở kẻ ngang lấy cùng một quyển vở nên nếu không mở ra đọc kỹ chỉ gấp tờ giấy thì rất dễ nhầm lẫn.

Bà C khai bà D vay mượn tiền của bà C nhiều lần nhưng bà D đều thanh toán cho bà C đầy đủ;

Ông Nguyễn Đức L có xác nhận ngày 22/9/2015, ông có trả cho bà D 700.000.000 đồng.

[2.5] Từ những căn cứ như trên có cơ sở khẳng định bà D đã trả cho vợ chồng bà C 300.000.000 đồng mượn ngày 18/9/2015, nhưng bà C đưa nhầm cho bà tờ giấy bà mượn 30.000.000 đồng ngày 19/9/2015, số tiền 30.000.000 đồng đến nay bà D vẫn chưa trả cho bà C. Bản án sơ thẩm buộc vợ chồng bà D phải trả cho vợ chồng bà C 300.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi mượn ngày 18/9/2015 là không chính xác. Do đó, chấp nhận đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị Mỹ D, ông Huỳnh Tấn H; chấp nhận việc thay đổi kháng nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm, bác đơn khởi kiện của vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim C, ông Nguyễn Quốc T yêu cầu vợ chồng bà Huỳnh Thị Mỹ D, ông Huỳnh Tấn H trả 300.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 18/9/2015 và tiền lãi theo lãi suất cơ bản.

Về chi phí tố tụng gồm:

- Chi phí giám định thời gian viết: 4.166.500 đồng
- Chi phí giám định giọng nói và nội dung: 32.700.000 đồng
- Mua thẻ ghi (USB): 120.000 đồng

Tổng cộng: 36.986.500 đồng

Số tiền này bà D đã nộp đủ, theo quy định tại các Điều 160, 161, 162 Bộ luật tố tụng dân sự thì bà C, ông T phải chịu tiền chi phí tố tụng. Do đó buộc bà C, ông T phải trả 36.986.500 đồng cho bà D.

Về án phí dân sự:

- Vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim C và ông Nguyễn Quốc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000.000 đồng x 5% = 15.000.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Mỹ D, ông Huỳnh Tấn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà D, ông H đã nộp

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận. Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 160, 161, 162; Khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 412; Khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Chấp nhận đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị Mỹ D, ông Huỳnh Tấn H;

Chấp nhận việc thay đổi kháng nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đối với kháng nghị của Viện Trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trà Bồng;

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2016/DS-ST ngày 07/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim C và ông Nguyễn Quốc T yêu cầu vợ chồng bà Huỳnh Thị Mỹ D, ông Huỳnh Tấn H phải trả 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) theo giấy mượn tiền ngày 18/9/2015.

2. Về chi phí tố tụng gồm chi phí giám định chữ viết, giọng nói, mua thẻ ghi (USB) tổng cộng là 36.986.500 đồng (Ba mươi sáu triệu, chín trăm tám mươi sáu ngàn, năm trăm đồng); Bà Huỳnh Thị Mỹ D đã nộp xong, vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim C, ông Nguyễn Quốc T phải chịu chi phí tố tụng, nên buộc vợ chồng bà C ông T phải trả cho bà D số tiền là 36.986.500 đồng (Ba mươi sáu triệu, chín trăm tám mươi sáu ngàn, năm trăm đồng)

3. Về án phí dân sự:

- Vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim C và ông Nguyễn Quốc T phải chịu 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 7.725.000 đồng (Bảy triệu bảy trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ông T, bà C đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 010245 ngày 09/11/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Bồng. Bà C, ông T còn phải nộp 7.275.000 đồng (Bảy triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

- Bà Huỳnh Thị Mỹ D, ông Huỳnh Tấn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Hoàn trả cho bà D tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 010287 ngày 29/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Bồng. Hoàn trả cho ông H tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 010288 ngày 29/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Bồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND huyện Trà Bồng;
- Chi cục THADS huyện Trà Bồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Minh Tiến